TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2025/DS-ST
Ngày 18-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Nguyện**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Thái Văn Lộc**

Ông **Lê Văn Lài**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hoài Thanh**, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Nhiên** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty cổ phần S;** địa chỉ trụ sở: số A, đường N, phường T, tỉnh Nghệ An;

- Ông KANOKWATPAISAL NAPAT, chức vụ là Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

- Anh Lê Thanh T, sinh năm 1991; địa chỉ liên lạc: khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản ủy quyền số 1991/2024/UQ-SVN, ngày 01/01/2024), có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm 1980; cư trú tại: khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần S trình bày:

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thì Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty S) đang hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản.

Vào ngày 02/8/2024, chị Nguyễn Thị Hồng V và Công ty S Có Ngay có hợp đồng cầm cố số 3TM24080101NA20X, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 21.968.085 đồng. Thời hạn cầm cố tài sản là 12 tháng, kể từ ngày 02/8/2024 đến hết ngày 02/8/2025, lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng và phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất của số tiền nợ gốc quá hạn tính từ thời điểm phát sinh lãi quá hạn; tài sản cầm cố là chiếc xe gắn máy có nhãn hiệu HONDA Vario150, mang biển số 70D1-660.88, màu đen vàng, số khung MH1KF4121LK015334, số máy KF41E2020733. Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống trực tuyến của cục Đ với số đăng ký là 1554660778.

Khi ký hợp đồng cầm cố, hai bên có lập Phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung của Phụ lục hợp đồng, bên cầm cố tài sản đã đồng ý cho Công ty S - Chi nhánh T2 - Thành phố T 1 có quyền cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng lợi tức đến khi chấm dứt hợp đồng, theo quy định tại khoản 3 Điều 314 của BLDS năm 2015.

Do nhu cầu cần xe đi lại hàng ngày nên chị V có yêu cầu mượn lại xe cầm cố trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày 02/8/2024 đến hết ngày 02/8/2025 sẽ trả lại xe đã mượn cho Công ty. Địa điểm trả xe tại Công ty S - Chi nhánh T2 - Thành phố T, tại số A đường C, Khu phố C, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Anh P đã có cam kết trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản đã mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận".

Hiện tại Công ty S Có Ngay đang giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe 001763 cấp ngày 19/9/2023 đối với xe gắn máy có nhãn hiệu HONDA Vario150, mang biển số 70D1-660.88, màu đen vàng, số khung MH1KF4121LK015334, số máy KF41E2020733.

Sau khi ký Hợp đồng cầm cố và hợp đồng thuê xe thì chị V không thanh toán cho Công ty bất cứ khoản tiền gốc và lãi nào, tiền thuê xe chị V cũng không thanh toán cho Công ty.

Công ty đã thông báo đòi nợ và đòi xe nhiều lần, chị V đã nhận được thông báo nhưng không thanh toán nợ gốc, không giao lại xe cho Công ty theo cam kết.

Tại đơn khởi kiện, Công ty S Có Ngay khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng V phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ nợ gốc, lãi và phí phát sinh đến ngày 21/01/2025 số tiền là 32.018.484 đồng, trong đó bao gồm: Tiền gốc là 21.968.085 đồng; Tiền lãi trong hạn là 1.208.245 đồng; Tiền lãi quá hạn là 604.122 đồng; Phí Quản lý hồ sơ cố định là 549.202 đồng; T1 thuê tài sản là 5.931.383 đồng; Phí vi phạm nghĩa vụ là 1.757.447 đồng.

Ngày 14/7/2025, Công ty có đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Công ty S Có Ngay yêu cầu chị Nguyễn Thị Hồng V trả cho Công ty số tiền nợ gốc và lãi phát sinh đến ngày 21/01/2025 số tiền là 29.711.835 đồng, trong đó bao gồm: Tiền gốc là 21.968.085 đồng; Tiền lãi trong hạn là 1.208.245 đồng; Tiền lãi quá hạn là 604.122 đồng; Tiền thuê tài sản là 5.931.383 đồng.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Hồng V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, yêu cầu Tòa án tuyên Công ty cổ phần S Có Ngay được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo cụ thể là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu HONDA Vario150, mang biển số 70D1-660.88, màu đen vàng, số khung MH1KF4121LK015334, số máy KF41E2020733 để thu hồi khoản nợ cho Công ty.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản đã nợ thì chị Nguyễn Thị Hồng V vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả cho đến hết khoản nợ với Công ty.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản; buộc hị Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả cho Công ty tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền thuê tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty S Có Ngay khởi kiện chị Nguyễn Thị Hồng V, cư trú tại khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh về hợp đồng cầm cố. Do đó Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh thụ lý giải quyết xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng cầm cố tài sản" theo Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty có đơn xin xét xử vắng mặt, chị

V được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của Công ty, chị V theo Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2] Về tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố:

[2.1] Công ty S Có Ngay cung cấp Hợp đồng cầm cố số 3TM24080101NA20X ghi ngày 02-8-2024 giữa Công ty và chị Nguyễn Thị Hồng V, đảm bảo nghĩa vụ thanh toán khoản nợ 21.968.085 đồng; Phụ lục Hợp đồng cầm cố; Phiếu đăng ký cầm cố; Thoả thuận thuê tài sản; Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm và các tài liệu có liên quan.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về việc thu thập được các tài liệu chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị V nhưng chị V không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến nên xem như là chị V đồng ý, không phản đối lời trình bày và các chứng cứ do Công ty cung cấp.

Do đó có căn cứ cho rằng Hợp đồng cầm cố số 3TM24080101NA20X ghi ngày 02-8-2024, Phụ lục hợp đồng cầm cố, các tài liệu có liên quan và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của Công ty về việc chị V chưa thanh toán xong tiền nợ gốc, nợ lãi cho Công ty là có thật.

[2.2] Xét nội dung Hợp đồng cầm cố và Phụ lục hợp đồng cầm cố phù hợp quy định tại các Điều 311, 312, 313, 314, 468 của BLDS năm 2015 nên hợp pháp. Công ty S Có Ngay không còn giữ tài sản cầm cố không phải là căn cứ chấm dứt hợp đồng cầm cố theo Điều 315 của BLDS, hơn nữa Công ty đang giữ bản chính của giấy chứng nhận đăng ký xe của chị V nên hợp đồng cầm cố vẫn tồn tại và có hiệu lực pháp luật.

Công ty xác định từ ngày 02-9-2024, chị V đã ngưng thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi nên chị V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 3 Điều 311 của BLDS năm 2015. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu chị V phải thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ.

[3] Về tiền thuê tài sản theo thoả thuận thuê tài sản ghi ngày 02-8-2024:

Chị V đã giao tài sản cầm cố cho Công ty nhưng yêu cầu thuê lại xe để phục vụ nhu cầu đi lại. Các bên lập Giấy thoả thuận thuê tài sản thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày 02-8-2024 đến ngày 02-8-2025, thoả thuận chị V phải trả cho Công ty tiền thuê xe là 1.186276 đồng/tháng.

Xét thấy, thoả thuận cho thuê xe được xác lập giữa Công ty và chị V là hợp

đồng thuê tài sản. Các thoả thuận trong Giấy thoả thuận thuê tài sản phù hợp với quy định tại các Điều 472, 473, 474 Bộ luật Dân sự, chị V không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thuê xe cho Công ty. Như vậy lỗi hoàn toàn là do chị V đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê xe theo quy định tại Điều 481 của Bộ luật Dân sự nên HĐXX chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty S Có Ngay, buộc chị V có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền nợ gốc là 21.968.085 đồng; Tiền lãi trong hạn là 1.208.245 đồng; Tiền lãi quá hạn là 604.122 đồng; Tiền thuê tài sản là 5.931.383 đồng.

[5] Về xử lý tài sản cầm cố:

[5.1] Trường hợp chị Nguyễn Thị Hồng V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty S Có Ngay được quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu HONDA Vario150, mang biển số 70D1-660.88, màu đen vàng, số khung MH1KF4121LK015334, số máy KF41E2020733 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ thanh toán thì chị V phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty theo Điều 307 của BLDS năm 2015.

[5.2] Khi việc cầm cố chấm dứt theo khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 315 của BLDS năm 2015 thì Công ty phải trả lại bản chính giấy xe đang giữ cho chị V theo Điều 316 của BLDS năm 2015.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

Theo Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.485.000 đồng đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 10, Điều 303, 307, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 316, 468, 497, 123, 131, 472, 473, 474 và 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với chị Nguyễn Thị Hồng V về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

Buộc chị Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền nợ gốc là 21.968.085 đồng; tiền nợ lãi là 1.208.245 đồng; tiền nợ lãi quá hạn là 604.122 đồng; tổng cộng là 29.711.835 (hai mươi chín triệu, bảy trăm mười một nghìn, tám trăm ba mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 19/8/2025 cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng cầm cố.

2. Công ty cổ phần S Có Ngay được quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là 01 xe gắn máy nhãn hiệu HONDA Vario150, mang biển số 70D1-660.88, theo Hợp đồng cầm cố số 3TM24080101NA20X ghi ngày 02-8-2024; Phụ lục hợp đồng cầm cố ghi ngày 02-8-2024, để thu hồi khoản nợ nêu trên.

Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản cầm cố, nhỏ hơn nghĩa vụ trả nợ thì chị Nguyễn Thị Hồng V phải tiếp tục thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán.

3. Khi việc cầm cố chấm dứt theo khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 315 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Công ty cổ phần S phải trả lại cho chị V 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001763 ngày 19-9-2023 và xoá đăng ký giao dịch bảo đảm.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí 800.000 (tám trăm nghìn) đã nộp theo Biên lai thu số: 0010385 ngày 07-02-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Tây Ninh).

Chị Nguyễn Thị Hồng V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.485.000 (một triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 -Tây Ninh;
- CCTHADS khu vực 10 -Tây Ninh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lâm Thị Nguyện